



# Thực trạng và nhu cầu sử dụng y học cổ truyền tại nhà của Người bệnh cơ xương khớp điều trị ở một số cơ sở y tế thành phố Vinh tỉnh Nghệ An

SITUATION AND DEMAND OF USING TRADITIONAL MEDICINE AT HOME OF PATIENTS WITH OSTEOARTHRITIS TREATED IN SOME HEALTH FACILITIES IN VINH CITY, NGHE AN PROVINCE

Đặng Thị Hương<sup>1</sup>, Trần Thị Hồng Phương<sup>2</sup>

<sup>1</sup>Bệnh viện đa khoa thành phố Vinh, <sup>2</sup>Bệnh viện đa khoa 115 Nghệ An

## TÓM TẮT

**Mục tiêu:** Mô tả thực trạng người bệnh cơ xương khớp điều trị tại 3 khoa Y học cổ truyền tại 3 bệnh viện ở thành phố Vinh tỉnh Nghệ An thời gian từ năm 2018 đến năm 2020.

**Phương pháp nghiên cứu:** Nghiên cứu được tiến hành theo phương pháp mô tả cắt ngang dựa trên hồ sơ bệnh án của 5181 bệnh nhân điều trị nội trú tại bệnh viện đa khoa thành phố Vinh, bệnh viện đa khoa 115 Nghệ An và bệnh viện đa khoa TTH Vinh từ tháng 1/2018 đến hết tháng 12/2020. Số liệu sau thu thập được nhập vào Excel, làm sạch, export sang phần mềm SPSS 20.0.

**Kết quả:** Có sự khác nhau về tình hình mắc bệnh giữa các nhóm tuổi. Tỷ lệ mắc bệnh có sự khác biệt không lớn giữa nam và nữ, tỷ lệ mắc bệnh của nữ cao hơn nam. Thoái hóa khớp là nhóm bệnh lý gặp nhiều nhất trong các bệnh cơ xương khớp chiếm 72,2% năm 2018; 71,2% năm 2019; 68,1% năm 2020. Theo YHCT, bệnh nhân thuộc nhóm chứng tý chiếm tỷ lệ cao nhất với 80,9% năm 2018; 80,9% năm 2019 và 83,5% năm 2020. Trong các bệnh đồng mắc: chiếm tỷ lệ cao nhất là bệnh tăng huyết áp với 39,0% năm 2018; 36,6% năm 2019 và 37,9% năm 2020. Phương pháp điều trị kết hợp YHCT và YHHĐ chiếm cao nhất với 89,7% (2018); 92,4% (2019) và 94,1% (2020). Điện châm là phương pháp điều trị không dùng thuốc YHCT được sử dụng nhiều nhất (26,4% năm 2018, 26,8% năm 2019, 26,0% năm 2020) và siêu âm trị liệu là phương pháp chiếm tỷ lệ cao nhất trong các phương pháp điều trị không dùng thuốc YHHĐ (33,1% năm 2018, 32,5% năm 2019, 33,0% năm 2020). Thuốc thang được dùng nhiều nhất với 34,4% năm 2018; 34,9% năm 2019 và 36,3% năm 2020.

**Từ khóa:** đặc điểm bệnh tật, cơ xương khớp, chăm sóc sức khỏe tại nhà

## SUMMARY

**Objective:** Describe the current situation of musculoskeletal patients treated at 3 departments of traditional medicine at 3 hospitals in Vinh city, Nghe An province from 2018 to 2020.

**Methods:** The study was conducted by cross-sectional descriptive method based on medical records of 5181 inpatients at Vinh city general hospital, 115 Nghe An general hospital and hospital TTH Vinh

Ngày nhận bài: 20/4/2022

Ngày phản biện: 25/4/2022

Ngày chấp nhận đăng: 23/5/2022

general clinic from January 2018 to the end of December 2020. The collected data were imported into Excel, cleaned, and exported to SPSS 20.0 software.

**Results:** There is a difference in the prevalence of the disease among age groups. The prevalence of the disease is not much different between men and women, the incidence of the disease is higher in women than in men. Osteoarthritis is the most common group of musculoskeletal disease, accounting for 72,2% in 2018; 71,2% in 2019; 68,1% in 2020. According to traditional medicine, patients in the control group accounted for the highest proportion with 80,9% in 2018; 80,9% in 2019 and 83,5% in 2020. Among comorbidities: hypertension accounts for the highest proportion with 39,0% in 2018; 36,6% in 2019 and 37,9% in 2020. Treatment methods combining TCM and TM accounted for the highest with 89,7% (2018), 92,4% (2019) and 94,1% (2020). Electro-acupuncture is the most commonly used non-traditional medicine treatment method (26,4% in 2018; 26,8% in 2019; 26,0% in 2020) and therapeutic ultrasound is the method accounting for a high percentage of the population most among the non-pharmacological treatments of Traditional Chinese Medicine (33,1% in 2018; 32,5% in 2019; 33,0% in 2020). Medicines were used the most with 34,4% in 2018; 34,9% in 2019 and 36,3% in 2020.

**Keywords:** Disease characteristics, musculoskeletal, home health care

## 1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Mô hình bệnh tật đang có xu hướng dịch chuyển dần về phía nhóm bệnh không lây nhiễm, trong đó bệnh lý cơ xương khớp (CXK) là một trong những bệnh lý chiếm tỷ lệ lớn trong dân chúng. Hiện nay, cùng với sự gia tăng tuổi thọ trung bình của người Việt Nam thì tỷ lệ mắc các bệnh cơ xương khớp cũng dần phổ biến hơn. Cơ xương khớp là nhóm bệnh rất thường gặp và đang gia tăng nhanh chiếm trên 33% dân số chung và trên 54% dân số trưởng thành, gây đau đớn kéo dài cho hàng trăm triệu người, gây tàn phế, gắn liền với nghỉ việc, giảm năng suất lao động, hạn chế các hoạt động hằng ngày và làm giảm chất lượng sống của con người [1].

Trong những năm gần đây, theo đường lối phát triển về Y học cổ truyền (YHCT) của Đảng và Chính phủ, nhiều nghiên cứu đã chỉ ra YHCT có giá trị đặc biệt trong hỗ trợ điều trị một số bệnh cơ xương khớp. Đa phần các bệnh lý cơ xương khớp là bệnh mạn tính, điều trị kéo dài, đòi hỏi phải có sự phối hợp giữa bệnh nhân và bác sĩ. Nhưng với tâm lý “ngại” đi bệnh viện để điều trị bệnh do nhiều nguyên nhân khác nhau nên người bệnh có xu hướng tìm đến các dịch vụ Y học gia đình (YHGD). Chúng tôi nhận thấy việc sử dụng dịch vụ YHCT tại nhà trong điều trị bệnh nói chung và bệnh CXK nói riêng có thể xem là một hướng phát triển mới

của YHCT và chưa có nghiên cứu nào đánh giá về vấn đề này.

Xuất phát từ thực trạng trên, chúng tôi tiến hành nghiên cứu đề tài: “*Thực trạng và nhu cầu sử dụng y học cổ truyền tại nhà của người bệnh cơ xương khớp điều trị ở một số cơ sở y tế thành phố Vinh tỉnh Nghệ An*” với mục tiêu: Mô tả thực trạng người bệnh CXK điều trị tại 3 khoa YHCT tại 3 bệnh viện ở thành phố Vinh tỉnh Nghệ An thời gian từ năm 2018 đến năm 2020.

## 2. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Nghiên cứu được thực hiện dựa trên hồ sơ bệnh án của người bệnh CXK nằm điều trị nội trú tại 3 khoa YHCT của 3 bệnh viện (bệnh viện đa khoa thành phố Vinh, bệnh viện đa khoa 115 Nghệ An và bệnh viện đa khoa TTH Vinh) từ 01/01/2018 đến 31/12/2020. Hồ sơ bệnh án phải lưu trữ đầy đủ các thông tin cần khảo sát. Loại những bệnh án rách nát, những bệnh án không đầy đủ thông tin.

Thiết kế nghiên cứu theo phương pháp mô tả cắt ngang với cỡ mẫu nghiên cứu là toàn bộ hồ sơ bệnh án người bệnh CXK điều trị nội trú tại 3 khoa YHCT của 3 bệnh viện thời gian từ năm 2018 đến năm 2020 (5181 người bệnh). Sau khi thu thập và xử lý số liệu, khảo sát thực trạng người bệnh CXK dựa trên các biến số nghiên cứu là một số thông



tin chung của người bệnh (tuổi, giới) và đặc điểm người bệnh CXK (bệnh chính theo YHHĐ, chứng chính theo YHCT, phân bố các bệnh kèm theo, phương pháp điều trị bệnh, hình thức sử dụng thuốc YHCT, các phương pháp không dùng thuốc).

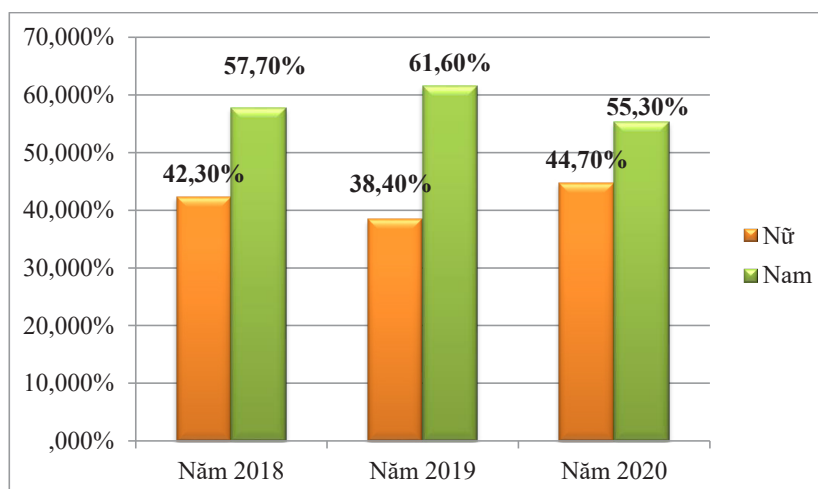
Các số liệu được hỗ trợ xử lý bằng các phần mềm Microsoft Excel 2010 và SPSS 20.0 (với các thuật toán: tần số, tỷ lệ phần trăm, kết quả có ý nghĩa thống kê khi  $p < 0,05$ ).

### 3. KẾT QUẢ

Bảng 1. Tuổi của người bệnh

Tuổi	Năm 2018		Năm 2019		Năm 2020	
	n	%	n	%	n	%
Dưới 30 tuổi	30	1,7	31	1,7	41	2,5
Từ 30-39 tuổi	151	8,5	152	8,5	159	9,8
Từ 40-49 tuổi	146	8,3	199	11,2	190	11,7
Từ 50-59 tuổi	329	18,6	343	19,2	331	20,3
Từ 60-69 tuổi	594	33,3	551	30,9	542	33,3
Từ 70 tuổi trở lên	518	29,3	507	28,4	367	22,5
<b>Tổng</b>	<b>1768</b>	<b>100</b>	<b>1783</b>	<b>100</b>	<b>1630</b>	<b>100</b>
<b>Độ tuổi TB(± SD)</b>	61,51 ± 14,16		60,91 ± 14,13		59,11 ± 13,90	

Tỷ lệ mắc bệnh có sự khác biệt không lớn giữa nam và nữ, Tỷ lệ nữ mắc bệnh cơ xương khớp chiếm cao hơn lần lượt là 57,7% năm 2018; 61,6% năm 2019 và 55,3% năm 2020, còn nam chiếm tỷ lệ thấp hơn với 42,3% năm 2018; 38,4% năm 2019 và đến năm 2020 là 44,7%.



Biểu đồ 1. Giới tính của người bệnh

Kết quả thống kê ở bảng 2 cho thấy, tỷ lệ người bệnh mắc các bệnh thoái hóa chiếm nhiều nhất (72,2% năm 2018; 71,2% năm 2019; 68,1% năm 2020). Các bệnh còn lại có tỷ lệ mắc gần tương đồng nhau.

*Bảng 2. Phân bố bệnh cơ xương khớp theo YHHD (ICD-10)*

Tên bệnh	Năm 2018		Năm 2019		Năm 2020	
	n	%	n	%	n	%
Viêm khớp dạng thấp	55	3,1	49	2,7	36	2,2
Thoái hóa cột sống cổ	384	21,7	340	19,1	296	18,2
Thoái hóa cột sống thắt lưng	687	38,9	694	40	663	40,7
Thoái hóa đa khớp	66	3,7	65	3,6	30	1,8
Thoái hóa khớp gối	139	7,9	152	8,5	120	7,4
Đau lưng	82	4,6	85	4,8	84	5,2
Bệnh Gout	37	2,1	33	1,9	16	1,0
Loãng xương	26	1,5	20	1,1	13	0,8
Viêm quanh khớp vai	68	3,8	68	3,8	109	6,7
Đau vùng cổ gáy	84	4,8	60	3,4	39	2,4
Các viêm khớp khác	67	3,8	116	6,5	77	4,7
Cứng khớp	73	4,1	101	5,7	147	9,0

Trong 3 năm, chứng tý chiếm tỷ lệ cao nhất với 80,9% (2018); 80,9% (2019) và 83,5% (2020), chiếm tỷ lệ thấp nhất là cốt tý với 1,5% (2018); 1,1% (2019); 0,8% (2020).

*Bảng 3. Phân bố bệnh cơ xương khớp theo YHCT*

Bệnh YHCT	Năm 2018		Năm 2019		Năm 2020	
	n	%	n	%	n	%
Chứng tý	1430	80,9	1442	80,9	1361	83,5
Hạc tất phong	138	7,8	152	8,5	120	7,4
Thống phong	37	2,1	33	1,9	15	0,9
Yêu thống	82	4,6	85	4,8	85	5,2
Lịch tiết phong	55	3,1	49	2,7	36	2,2
Cốt tý	26	1,5	20	1,1	13	0,8

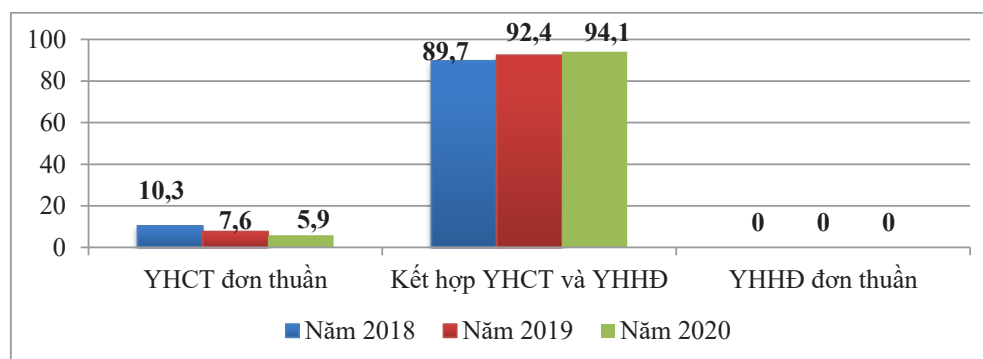
Trong các bệnh đồng mắc thường gặp, tăng huyết áp chiếm tỷ lệ cao nhất với 39,0% năm 2018; 36,6% năm 2019 và 37,9% năm 2020, chiếm tỷ lệ thấp nhất là hội chứng dạ dày – tá tràng với 8,8% năm 2018, năm 2019 là 10,7% và năm 2020 là 9,6%.



Bảng 4. Phân bố các bệnh đồng mắc được điều trị kèm theo với nhóm cơ xương khớp

Bệnh kèm theo nhóm cơ xương khớp	Năm 2018		Năm 2019		Năm 2020	
	n	%	n	%	n	%
Tăng huyết áp	367	39,0	304	36,6	289	37,9
Rối loạn chuyển hóa lipid	93	9,9	109	13,1	77	10,1
Đái tháo đường tuýp 2	101	10,7	112	13,5	72	9,4
Hội chứng dạ dày – tá tràng	83	8,8	89	10,7	73	9,6
Thiếu năng tuần hoàn não	121	12,8	96	11,6	100	13,1
Rối loạn giấc ngủ	177	18,8	120	14,5	151	19,8

Tỷ lệ bệnh nhân được điều trị bằng các phương pháp kết hợp YHCT với YHHĐ là cao nhất với 89,7% năm 2018; 92,4% năm 2019 và 94,1% năm 2020. Tỷ lệ bệnh nhân được điều trị bằng YHCT đơn thuần chỉ chiếm 10,3% năm 2018; 7,6% năm 2019; 5,9% năm 2020.



Biểu đồ 2. Phương pháp điều trị bệnh cơ xương khớp

Dạng thuốc thang được sử dụng nhiều nhất với 34,4% năm 2018; 34,9% năm 2019 và 36,3% năm 2020, đứng thứ hai là viên hoàn với 29,9% (2018); 30,2% (2019) và 30,1% (2020).

Bảng 5. Hình thức sử dụng thuốc YHCT điều trị bệnh cơ xương khớp

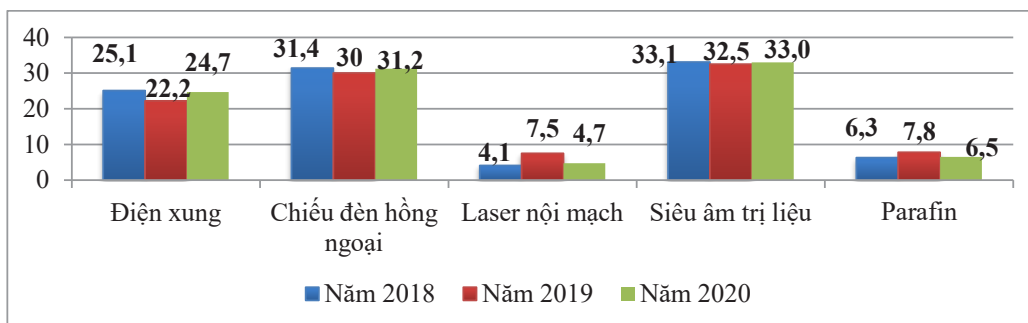
Hình thức sử dụng thuốc YHCT		Năm 2018		Năm 2019		Năm 2020	
		n	%	n	%	n	%
Thuốc thang (thuốc sắc)		1602	34,4	1638	34,9	1466	36,3
Các chế phẩm thuốc YHCT	Viên hoàn	1394	29,9	1418	30,2	1216	30,1
	Thuốc bột	84	1,8	86	1,8	109	2,7
	Viên nang	644	13,8	590	12,6	359	8,9
	Thuốc dùng ngoài	142	3,0	152	3,2	118	2,9
	Chè	164	3,5	114	2,4	150	3,7
	Cao lỏng	627	13,5	702	14,9	625	15,5

Tỷ lệ người bệnh sử dụng phương pháp điện châm chiếm cao nhất với 26,4% năm 2018; 26,8% năm 2019 và 26,0% năm 2020, đứng thứ hai là XBBH với tỷ lệ là 26,1% năm 2018; 26,4% năm 2019; 25,9% năm 2020.

*Bảng 6. Các phương pháp không dùng thuốc YHCT được sử dụng điều trị bệnh*

Phương pháp điều trị không dùng thuốc YHCT	Năm 2018		Năm 2019		Năm 2020	
	n	%	n	%	n	%
Xoa bóp bấm huyệt	1745	26,1	1761	26,4	1618	25,9
Cứu ngải	307	4,6	314	4,7	380	6,1
Điện châm	1768	26,4	1783	26,8	1630	26,0
Cấy chỉ	92	1,4	83	1,2	44	0,7
Tập dưỡng sinh	269	3,4	249	3,2	314	4,1
Thủy châm	1206	18,6	1222	18,9	1081	18,2
Giác hơi	1304	19,5	1249	18,8	1191	19,0

Phương pháp siêu âm điều trị được sử dụng nhiều nhất với 33,1% năm 2018; 32,5% năm 2019 và 33,0% năm 2020, còn laser nội mạch là phương pháp ít được sử dụng nhất chiếm tỷ lệ lần lượt là 4,1% năm 2018; 7,5% năm 2019 và 4,7% năm 2020.



*Biểu đồ 3. Các phương pháp không dùng thuốc YHHT được sử dụng điều trị bệnh*

## 4. BÀN LUẬN

Theo kết quả nghiên cứu hồi cứu 3 năm từ năm 2018 đến năm 2020 ở một số cơ sở y tế thành phố Vinh tỉnh Nghệ An cho thấy nhóm từ 50 tuổi trở lên mắc bệnh CXXK chiếm tỷ lệ cao nhất, năm 2018 là 81,2%, năm 2019 là 78,5% và đến năm 2020 là 76,1%. Cũng theo Nguyễn Thị Thu Hiền (2020), tỷ lệ bệnh nhân CXXK trên 50 tuổi đạt 81,98% [2]. Điều này cho thấy bệnh nhân CXXK đang ngày càng trẻ

hóa. Cũng qua nghiên cứu cho thấy bệnh nhân nữ chiếm tỷ lệ cao hơn nam, song không có sự chênh lệch quá lớn: nữ chiếm tỷ lệ lần lượt là 57,7% (2018) 61,6% (2019) và 55,3% (2020), trong khi đó nam chiếm 42,3% (2018); 38,4% (2019) và 44,7% (2020), còn theo Lương Thị Phương Thảo (2017), tỷ lệ nữ gấp 2,7 lần nam (73% và 27%) [3] hay Bùi Thị Dáng (2016), nữ chiếm 80,07% và nam chiếm 19,93% [4].



Qua nghiên cứu thấy thoái hóa khớp là nhóm bệnh lý gặp nhiều nhất chiếm 72,2% năm 2018; 71,2% năm 2019; 68,1% năm 2020. Kết quả này tương đồng với Bùi Thị Dáng năm 2016, tỷ lệ này là 79,01% [4] và Nguyễn Thị Thu Hiền là 57,81% [2]. Tỷ lệ viêm khớp dạng thấp trong nghiên cứu này lần lượt là 3,1% (2018); 2,7% (2019) và 2,2% (2020), theo Lương Thị Phương Thảo năm 2017, tỷ lệ này là 2,86% [3] và Bùi Thị Dáng năm 2016 là 3,31% [4]. Tuy nhiên thấp hơn so với Lưu Thị Bình và Đoàn Anh Thắng là 11,8% [5]. Viêm quanh khớp vai chiếm 3,8% năm 2018; 3,8% năm 2019 và 6,7% năm 2020, khá tương đồng với Nguyễn Thị Thu Hiền năm 2020 là 6,46% [3] và Lương Thị Phương Thảo năm 2017 là 4,94% [3]. Tỷ lệ loãng xương chỉ chiếm 1,5% năm 2018; 1,1% năm 2019 và năm 2020 là 0,8%, thấp hơn Nguyễn Thị Thu Hiền (2020) với 4,59% [2] hay Lưu Thị Bình, Đoàn Anh Thắng (2015) là 4,8% [5]. Tỷ lệ bệnh Gout chiếm 2,1% năm 2018; 1,9% năm 2019 và 1,0% năm 2020, tương đồng với Nguyễn Ngọc Tiến (2019) là 1,7% [6].

Theo nghiên cứu, chứng tý chiếm tỷ lệ cao nhất với 80,9% năm 2018; 80,9% năm 2019 và 83,5% năm 2020, còn theo Nguyễn Thị Thu Hiền (2020) là 39,12% [2]. Sự khác biệt này là do sự phân chia nhóm bệnh theo YHCT. Đứng thứ hai là nhóm hạch tất phong chiếm lần lượt là 7,8% (2018); 8,5% (2019); 7,4% (2020).

Trong các bệnh đồng mắc thường gặp, tăng huyết áp chiếm tỷ lệ cao nhất với 39,0% năm 2018; 36,6% năm 2019 và 37,9% năm 2020, tương đồng với Nguyễn Thị Thu Hiền (2020), tỷ lệ này là 39,2% [2]

Phương pháp điều trị kết hợp YHCT và YHHĐ chiếm cao nhất với 89,7% (2018); 92,4% (2019) và 94,1% (2020), tương đồng với Lương Thị Phương Thảo (2017), tỷ lệ này đạt 94,55% [3] và Nguyễn Thị Thu Hiền (2020) là 95,56% [2]. Trong các phương pháp không dùng thuốc YHCT thì điện châm chiếm tỷ lệ cao nhất với 26,4% năm 2018;

26,8% năm 2019 và 26,0% năm 2020. Đứng thứ hai là xoa bóp bấm huyệt với tỷ lệ lần lượt là 26,1% năm 2018; 26,4% năm 2019; 25,9% năm 2020. Kết quả này khá tương đồng với Nguyễn Thị Thu Hiền (2020), điện châm chiếm cao nhất với 39,72%, đứng thứ hai là xoa bóp bấm huyệt với 34,04% [2]. Trong các phương pháp điều trị không dùng thuốc của YHHĐ, siêu âm trị liệu chiếm cao nhất với 33,1% (2018); 32,5% (2019); 33,0% (2020). Theo nghiên cứu này dạng thuốc được sử dụng nhiều nhất là thuốc thang chiếm tỷ lệ 34,4% năm 2018; 34,9% năm 2019 và 36,3% năm 2020, cũng theo Đỗ Thị Phương có 86,8% bệnh nhân sử dụng thuốc thang điều trị bệnh [7].

## 5. KẾT LUẬN

Có sự khác nhau về tình hình mắc bệnh giữa các nhóm tuổi, trong đó nhóm tuổi từ 60 đến 69 đạt tỷ lệ cao nhất với 33,3% (2018); 30,9% (2019) và năm 2020 là 33,3%.

Tỷ lệ mắc bệnh không có sự khác biệt giữa nam và nữ, tỷ lệ mắc bệnh của nữ cao hơn nam.

Thoái hóa khớp là nhóm gặp nhiều nhất chiếm 72,2% (2018); 71,2% (2019); 68,1% (2020).

Theo YHCT, bệnh nhân thuộc nhóm chứng tý chiếm tỷ lệ cao nhất với 80,9% năm 2018; 80,9% năm 2019 và 83,5% năm 2020.

Trong các bệnh đồng mắc: chiếm tỷ lệ cao nhất là bệnh tăng huyết áp với 39,0% năm 2018; 36,6% năm 2019 và 37,9% năm 2020.

Phương pháp điều trị kết hợp YHCT và YHHĐ chiếm cao nhất với 89,7% (2018); 92,4% (2019) và 94,1% (2020). Điện châm là phương pháp điều trị không dùng thuốc YHCT được sử dụng nhiều nhất (26,4% năm 2018, 26,8% năm 2019, 26,0% năm 2020) và siêu âm trị liệu là phương pháp chiếm tỷ lệ cao nhất trong các phương pháp điều trị không dùng thuốc YHHĐ (33,1% năm 2018, 32,5% năm 2019, 33,0% năm 2020). Thuốc thang được dùng nhiều nhất với 34,4% năm 2018; 34,9% năm 2019 và 36,3% năm 2020.



## TÀI LIỆU THAM KHẢO

- 1. Lê Anh Thư (2009).** Những thành tựu chính trong lĩnh vực thấp khớp học hai mươi năm đầu thế kỷ 21. *Tạp chí thời sự y học*, số 09, tr.17-20.
- 2. Nguyễn Thị Thu Hiền (2020).** Đặc điểm bệnh cơ xương khớp và thực trạng điều trị bằng y học cổ truyền kết hợp y học hiện đại tại bệnh viện y học cổ truyền tỉnh Nghệ An năm 2019 – 2020, *Luận văn thạc sĩ y học*, Học viện Y dược học cổ truyền Việt Nam.
- 3. Lương Thị Phương Thảo (2017).** Khảo sát mô hình bệnh tật của hệ cơ xương khớp và tình hình điều trị nội trú tại bệnh viện Y học cổ truyền Trung Ương, *Khóa luận bác sĩ y khoa*, Trường đại học Y Hà Nội.
- 4. Bùi Thị Dáng (2016).** Khảo sát mô hình bệnh cơ xương khớp trên bệnh nhân điều trị nội trú tại khoa YHCT bệnh viện Xanh Pôn Hà Nội từ năm 2011 – 2015, *Khóa luận tốt nghiệp bác sĩ y khoa*, Trường đại học Y Hà Nội.
- 5. Lưu Thị Bình, Đoàn Anh Thắng (2014).** Mô hình bệnh tật cơ xương khớp tại khoa Nội tim mạch – Cơ xương khớp tại bệnh viện đa khoa trung ương Thái Nguyên năm 2011-2013. *Tạp chí Y học Việt Nam*, tháng 1, số 1/2015, tr.4-10.
- 6. Nguyễn Ngọc Tiến (2019).** Đánh giá nhu cầu sử dụng y học cổ truyền điều trị bệnh lý cơ xương khớp tại huyện Thuận Thành tỉnh Bắc Ninh năm 2019, *Luận văn thạc sĩ y học*, Học viện y dược học cổ truyền Việt Nam.
- 7. Đỗ Thị Phương, Phạm Việt Hoàng (2013).** Thực trạng y học cổ truyền tỉnh Hưng Yên và hiệu quả can thiệp tăng cường hoạt động khám chữa bệnh của bệnh viện y học cổ truyền tỉnh, *Luận án tiến sĩ*, Trường đại học Y Hà Nội.